

Số : 05/ KH- CM

Nghĩa Trung, ngày 5 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non theo văn bản hợp nhất số 01/ VBHN- BGDD ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo.

Căn cứ thông tư 23/2010/TT- BGDDT ngày 23/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành quy định về bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Căn cứ vào tình hình thực tế của đội ngũ giáo viên và học sinh trường mầm non Tân Lập Thành. Bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I. DỰ KIẾN MỤC TIÊU – NỘI DUNG THỰC HIỆN KHỐI MẦM

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục
1. Giáo dục phát triển thể chất		
1.1. Phát triển vận động		
MT 1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none">- Hô hấp: Hít vào, thở ra.- Tay:<ul style="list-style-type: none">+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên+ Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.- Lưng, bụng, lườn:<ul style="list-style-type: none">+ Cúi về phía trước.+ Quay sang trái, sang phải.+ Nghiêng người sang trái, sang phải.- Chân:<ul style="list-style-type: none">+ Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ+ Co duỗi chân.
MT 2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	<ul style="list-style-type: none">- Đi kiễng gót- Đi trong đường hẹp
MT 3	Kiểm soát được vận động	<ul style="list-style-type: none">- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.- Đi, Chạy liên tục theo đường đích dắc

MT 4	Phối hợp tay - mắt trong vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT 5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. - Bò chui qua cổng. - Trườn về phía trước. - Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20 - 25 cm. - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.
MT 6	Thực hiện được các vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT 7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong 1 số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
MT 8	Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm món ăn quen thuộc
MT 9	Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT 10	Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT 11	Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Biết cầm thìa bằng tay phải, cầm chén bằng tay trái, xúc ăn gọn gàng.

MT 12	Thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo....
MT 13	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
MT 14	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi....	<ul style="list-style-type: none"> - Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Ăn không làm rơi vãi ra ngoài Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
MT 15	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước...) khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 16	Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng.
MT 17	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: <ul style="list-style-type: none"> + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
2. Giáo dục phát triển nhận thức		
2.1. Khám phá khoa học		
MT 18	Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi,	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc

	như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	
MT 19	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
MT 20	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
MT 21	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày
MT 22	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
MT 23	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây
MT 24	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm
MT 25	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT 26	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng	- 1 và nhiều

	ngón tay để biểu thị số lượng.	
MT 27	Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
MT 28	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh 2 nhóm đối tượng bằng nhiều cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT 29	- Biết tách, gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Tách, Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT 30	Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
MT 31	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước Xếp xen kẽ
MT 32	Nhận dạng và gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.
MT 33	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải-tay trái của bản thân

2.3. Khám phá xã hội

MT 34	Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 35	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT 36	Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.

MT 37	Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình. - Nói được tên đồ dùng trong gia đình
MT 38	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng.... khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
MT 39	Kể tên một số lễ hội: Ngày Khai Giảng, tết trung thu.... qua trò chuyện, tranh ảnh	- Kể tên và đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội
MT 40	Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Kể tên một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

3.1. Nghe hiểu lời nói

MT 41	Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT 42	Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả	- Hiểu nghĩa của một số từ: quần áo, đồ chơi, hoa quả
MT 43	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.

3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày

MT 44	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 45	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Kể lại sự việc.
MT 46	Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của Tiếng Việt. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?
MT 47	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.

MT 48	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
MT 49	Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT 50	Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
MT 51	Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 52	Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.

3.3. Làm quen với việc đọc, viết

MT 53	Thích vẽ, 'viết' nguệch ngoạc.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT 54	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 55	Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	-Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn sách

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

4.1. Thể hiện ý thức về bản thân

MT 56	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính
MT 57	Nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích

4.2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

MT 58	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát; vận động. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT 59	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)

4.3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

MT 60	Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT 61	Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. Thể hiện tình cảm yêu thương với con người và sự vật hiện tượng xung quanh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
MT 62	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
MT 63	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.

4.4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

MT 64	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT 65	Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).
MT 66	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.
MT 67	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn.

4.5. Quan tâm đến môi trường		
MT 68	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.
MT 69	Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
5.1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT 70	Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc
MT 71	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện
MT 72	Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi được sờ, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
5.2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT 73	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát
MT 74	Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT 75	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kĩ năng xé, cắt dán để tạo ra sản phẩm
MT 76	Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.

MT 77	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 78	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Nhận biết các hình đơn giản để xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 79	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT 80	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
5.3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT 81	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích
MT 82	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
MT 83	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.

II. DỰ KIẾN MỤC TIÊU – NỘI DUNG THỰC HIỆN KHỐI CHỖI

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục
1. Giáo dục phát triển thể chất		
1.1. Phát triển vận động		
MT 1	Trẻ thực hiện đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	<p>Tay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). <p>Lưng, bụng, lườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải <p>Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.

<p>MT 2</p>	<p>Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: -Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ sần trên sàn -Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m</p>	<p>+ Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</p>
<p>MT 3</p>	<p>Kiểm sát được vận động - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)</p>	<p>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</p>
<p>MT 4</p>	<p>Phối hợp tay mắt trong vận động</p>	<p>+ Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.</p>
<p>MT 5</p>	<p>Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p>	<p>+BAT liên tục về phía trước. +BAT xa 35 - 40cm. +BAT - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). +BAT tách chân, khếp chân qua 5 ô. +BAT qua vật cản cao 10 - 15cm. +Nhảy lò cò 3m. +Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. +Bò đích dắc qua 5 điểm. +Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. +Trườn theo hướng thẳng +Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. +Trèo lên, xuống 5 giống thang. +Nhảy lò cò 3m +Chạy 15m trong khoảng 10 giây. +Chạy chậm 60 - 80m.</p>

		+ Các trò chơi vận động, trò chơi dân gian, trò chơi tập thể
MT 6	Thực hiện các vận động	+ Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... + Gấp giấy
MT 7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	+ Lắp ghép hình. + Tô, vẽ hình. + Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. + Xé, cắt đường thẳng.
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
MT 8	Biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá... có nhiều chất đạm. Rau, quả, chín có nhiều vitamin	+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
MT 9	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và cách chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo....	+ Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT 10	Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đủ các chất dinh dưỡng.	+ Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT 11	Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	+ Tự thay quần áo khi bẩn + Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Tập đánh răng, lau mặt
MT 12	Biết tự cầm bát,	+ Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi

	thìa xúc thức ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	vãi, đổ thức ăn.
MT 13	Có một số hành vi tốt trong ăn uống:	+ Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. không uống nước lã, chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ
MT 14	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dày dép khi đi học + Biết nói với người lớn khi đau, chảy máu hoặc bị sốt.. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định
MT 15	Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch	+ Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 16	Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	+ Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng.
MT 17	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: - Không cưỡi đũa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
MT 18	Nhận ra một số	+ Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi

	trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	<p>người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết
--	---	--

2. Giáo dục phát triển nhận thức

2.1. Khám phá khoa học

MT 19	<p>Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...</p>	<p>+ Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người</p>
MT 20	<p>Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>+ Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p>
MT 21	<p>Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<p>+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi...</p>

MT 22	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> + Các nguồn nước trong môi trường sống + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người
MT 23	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> + Phương tiện giao thông: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. + Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu
MT 24	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn"	<ul style="list-style-type: none"> + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây
MT 25	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	<ul style="list-style-type: none"> + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT 26	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
MT 27	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	<ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi

2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

MT 28	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT 29	Tách gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	+ Tách gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT 30	Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	+ Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 + Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).
MT 31	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
MT 32	Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	+ Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. + So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
MT 33	Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	+ Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. + Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
MT 34	Chỉ ra điểm giống và khác	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn,

	nhau giữa 2 hình (Hình vuông, hình tròn, tam giác, chữ nhật)	hình chữ nhật.
MT 35	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT 36	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). + Nhận biết phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của bản thân .
MT 37	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	+ Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối gọi tên các thứ trong tuần
2.3. Khám phá xã hội		
MT 38	Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT 39	Nói tên, địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên, địa chỉ của trường lớp.
MT 40	Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	+ Địa chỉ của gia đình
MT 41	Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh	+ Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.

	về gia đình.	
MT 42	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn ở lớp.
MT 43	Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+ Họ tên và một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường ; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 44	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT 45	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội: Ngày Khai Giảng, Tết Trung Thu...	+ Kể tên và đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội
MT 46	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước.
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
3.1. Nghe hiểu lời nói		
MT 47	Thực hiện được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp	+ Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
MT 48	Hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	+ Hiểu nghĩa của một số từ: rau quả, con vật, đồ gỗ...
MT 49	Lắng nghe và	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở

	trao đổi với người đối thoại.	rộng, câu phức.
3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT 50	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 51	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 52	Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	+ Kể lại truyện đã được nghe.
MT 53	Sử dụng các từ như “mời cô”; “mời bạn”; “cảm ơn”; “xin lỗi”... trong giao tiếp	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT 54	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	+ Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT 55	Kể lại sự việc theo trình tự.	+ Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT 56	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	+ Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. + Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.
MT 57	Bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	+ Đóng kịch.
MT 58	Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
3.3. Làm quen với việc đọc, viết		
MT 59	Chọn sách để xem.	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

MT 60	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	+ "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.
MT 61	Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	+ Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
MT 62	Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 63	Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
4.1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT 64	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ	+ Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.
MT 65	Nói được điều trẻ thích, không thích. Những việc trẻ có thể làm được	+ Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.
4.2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT 66	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Tham gia vào các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động lao động... + Chơi hoà thuận với bạn.
MT 67	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ)	+ Thực hiện công việc đơn giản được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi)

	chơi).	
4.3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT 68	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT 69	Biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm đối với con người, con vật....
MT 70	Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT 71	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ.
MT 72	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ qua tranh ảnh, truyện
4.4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT 73	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình, nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ...	+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; đi bên phải lề đường.....) + Trẻ tự làm được những việc nhỏ tự phục vụ bản thân, như: tự mặc áo, tự mang tất, tự lấy cặp, tự mang dép.....
MT 74	Chú ý nghe cô,	+ Chú ý nghe khi cô, bạn nói.

	bạn nói	
MT 75	Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	+ Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
MT 76	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT 77	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	+ Chờ đến lượt, hợp tác. + Biết chờ đến lượt không chen lấn xô đẩy khi lên xuống xe, cầu thang, siêu thị.

4.5. Quan tâm đến môi trường

MT 78	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	+ Tiết kiệm điện, nước.
MT 79	Không bẻ cành, bứt hoa, thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	+ Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. + Biết tự bảo vệ bản thân trước những con vật nguy hiểm
MT 80	Bỏ rác đúng nơi quy định.	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường. + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

5.1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT 81	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
--------------	--	---

MT 82	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 83	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	+ Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).
5.2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT 84	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 85	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét.
MT 86	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 87	Làm lốm, đổ bột, bẻloe, vuốt nhọn, uốn cong	+ Sử dụng các kĩ năng nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.

	đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	
MT 88	Biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	+ Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 89	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	+ Sử dụng các kỹ năng xé, cắt dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 90	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	+ Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
MT 91	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	+ Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. ·
5.3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT 92	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Tạo ra sản phẩm tạo hình của mình + Sử dụng các kỹ năng để tạo ra sản phẩm
MT 93	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT 94	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.
MT 95	Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động	+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.

	theo bài hát, bản nhạc.	
--	-------------------------	--

III. DỰ KIẾN MỤC TIÊU – NỘI DUNG THỰC HIỆN KHỐI LÁ

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục
1. Giáo dục phát triển thể chất		
1.1. Phát triển vận động		
MT 1	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	<p>Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. Chân: Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước. Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. Chân: Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</p>
MT 2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	<p>+ Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi.</p>

		- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối Trèo lên, xuống 7 gióng thang
MT 3	Kiểm soát được vận động	Đi chạy thay đổi tốc độ, hướng đích đắc theo hiệu lệnh.
MT 4	Phối hợp tay mắt trong vận động.	Tung bóng lên cao và bắt. Tung, đập bắt bóng tại chỗ. Đi và đập bắt bóng Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân Ném trúng đích ngang (xa 2m) Ném trúng đích đứng (1,5m * xa 2m)
MT 5	Thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	Bò đích đắc qua 5 điểm. Chạy liên tục 18m trong khoảng 10 giây Chạy chậm khoảng 100 – 120m Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5 m. Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m Bật liên tục vào vòng Bật xa 40 - 50cm. Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). Bật tách chân, khếp chân qua 7 ô Bật qua vật cản cao 10 - 15cm Nhảy lò cò
MT 6	Thực hiện được các vận động	Bẻ, nắn Lắp ráp Xé, cắt đường vòng cung Tô đồ theo nét
MT 7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số vận động	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây
MT 8	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Tụ cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa	Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ		

MT 9	Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT 10	Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho: gạo nấu cơm, nấu cháo...	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số thức ăn, thức uống
MT 11	Biết: Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT 12	Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
MT 13	Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất
MT 14	Thực hiện được một số việc đơn giản	Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
MT 15	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS 17)	Lấy tay che miệng khi ho hoặc hắt hơi, ngáp.
MT 16	Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày. (CS 19)	Trò chuyện về tên gọi các món ăn, các chất dinh dưỡng có trong thức ăn, trong bữa cơm hằng ngày của trẻ. Trò chơi dinh dưỡng.
MT 17	Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường với sức khỏe con người
MT 18	Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	Biết: Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc
MT 19	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an

	những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. (toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 20	Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 21	Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT 22	Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng

2. Giáo dục phát triển nhận thức

2.1. Khám phá khoa học

MT 23	Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa”...	Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây
MT 24	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
MT 25	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.	Quá trình phát triển của cây, con vật; Điều kiện sống của một số loại cây, con vật. Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT 26	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:	So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.

	Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
MT 27	Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 – 3 dấu hiệu.
MT 28	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	Các nguồn nước trong môi trường sống. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây Một số đặc điểm, tính chất của nước. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
ghgMT 29	Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày (CS110)	Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự. Nói được ngày đầu và ngày cuối trong tuần theo quy ước thông thường Nói được trong tuần ngày nào đi học ngày nào nghỉ ở nhà.
MT 30	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
MT 31	Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và đa dạng của chúng.
MT 32	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu trúc với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT 33	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

MT 34	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT 35	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	Nói được nhóm nào có nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng nhau.
MT 36	Tách/ gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. Tách/phân tách các đối tượng nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.
MT 37	Nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
MT 38	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
MT 39	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
MT 40	Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	Tạo ra qui tắc sắp xếp. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
MT 41	Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
MT 42	Sử dụng được một số dụng cụ để đo độ dài và so sánh, nói kết quả.	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT 43	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.

MT 44	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 45	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. Gọi tên các thứ trong tuần.
MT 46	Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình
MT 47	Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT 48	Nói được địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện	Nói được địa chỉ gia đình mình như số nhà, tên đường, số điện thoại của người thân.
MT 49	Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường.
MT 50	Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 51	Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong nhà trường khi được hỏi và trò chuyện	Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
MT 52	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới”...	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT 53	Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo	Kể tên một số ngày lễ hội lớn, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước

	cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”	
MT 54	Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.
MT 55	Thực hiện được các yêu cầu tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái”	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 56	Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	Hiểu và làm theo được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp.
MT 57	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
MT 58	Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT 59	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT 60	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
MT 61	Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”, “Có gì giống nhau?”, “Có gì khác nhau?”, “Do đâu mà có?”.
MT 62	: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
MT 63	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi	Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh

	kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	Kể lại sự việc theo trình tự
MT 64	Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự
MT 65	Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Thưa”, “Đạ”, “Vâng”, phù hợp với từng tình huống	Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 66	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT 67	Nói rõ ràng	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. Phát âm đúng các chữ cái tiếng việt Nói rõ ràng các từ ngữ Phát âm rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được Sử dụng lời nói rõ ràng, dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.
MT 68	Không nói tục, chửi bậy (CS 78)	Trò chuyện với trẻ về cách nói văn minh, lịch sự trong giao tiếp Kể truyện theo tranh về cách nói văn minh, lịch sự.
3.3. Làm quen với việc đọc, viết		
MT 69	Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (CS 79)	Thích tìm kiếm những chữ đã biết ở sách, bảng hiệu.... để đọc. Chỉ và đọc cho bạn hoặc người khác những chữ cái ở MTXQ. Thích tham gia vào HĐ nghe cô đọc sách. Hỏi người lớn hoặc bạn bè những chữ chưa biết
MT 70	Chọn sách để “đọc” và xem	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. “Đọc” truyện qua các tranh vẽ
MT 71	Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.

MT 72	Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách xuống cuối sách.	Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. Giữ gìn bảo vệ sách
MT 73	Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ)
MT 74	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Nhận dạng các chữ cái
MT 75	Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
4.1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT 76	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.
MT 77	Nói được điều trẻ thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Sở thích, khả năng, của bản thân Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
MT 78	Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT 79	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
4.2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT 80	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	Tự giác làm việc Những công việc cần làm vừa sức của mình
MT 81	Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động Thói quen tự phục vụ như tự mặc quần áo...

MT 82	Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)
4.3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT 83	Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt mắt, cử chỉ, giọng nói của người khác	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT 84	Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống khác nhau.
MT 85	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Nhận ra một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ thông qua tranh ảnh, truyện, sách...
MT 86	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Kính yêu Bác Hồ. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện.
MT 87	Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT 88	Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
4.4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT 89	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
MT 90	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự
MT 91	Chú ý khi nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT 92	Biết chờ đến lượt	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.

MT 93	Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
MT 94	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
4.5. Quan tâm đến môi trường		
MT 95	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối
MT 96	Bỏ rác đúng nơi quy định	Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT 97	Biết nhắc nhở người khác, giữ gìn, bảo vệ môi trường (Không bỏ rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	Nhắc nhở người khác không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa nơi công cộng, trường lớp
MT 98	Tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	Tiết kiệm điện, nước.
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
5.1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT 99	Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 100	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).
5.2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT 101	Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát và bản nhạc

	dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	
MT 102	Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT 103	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt,	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 104	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
MT 105	Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
MT 106	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
MT 107	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 108	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 109	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 110	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 111	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc(CS99)	Nghe bản nhạc, bài hát gần gũi và nhận ra được bản nhạc là vui hay buồn, nhẹ

		nhàng hay mạnh mẽ, êm dịu hay hùng tráng, chậm hay nhanh.
5.3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT 112	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 113	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình
MT 114	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình.

IV. DỰ KIẾN MỤC TIÊU – NỘI DUNG THỰC HIỆN KHỐI LÁ GHÉP

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục
1. Giáo dục phát triển thể chất		
1.1. Phát triển vận động		
MT 1	<p>- 5 tuổi: Thực hiện đúng, thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp</p> <p>- 4 tuổi: Thực hiện đúng đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo các hiệu lệnh</p> <p>- 3 tuổi: Thực hiện đúng đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo các hiệu</p>	<p>Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). Lung, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lung, bụng, lườn: Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. Chân: Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước. Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</p>

		<p>Lung, bụng, lườn: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>Chân: Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</p>
MT 2	<p>- 5 tuổi: Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động và kiểm soát được vận động</p> <p>- 4 tuổi: Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động và kiểm soát được vận động</p> <p>- 3 tuổi: Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động và kiểm soát được vận động</p>	<p>Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.</p> <p>Đi nổi bàn chân tiến, lùi.</p> <p>Đi trên dây (dây đặt trên sàn)</p> <p>Đi thăng bằng trên ghế thể dục</p> <p>Đi Lên Xuống Ván Dốc</p> <p>Chạy chậm trong khoảng 100 - 120m.</p> <p>Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, zích zắc theo lệnh.</p> <p>chạy liên tục 150m không giới hạn thời gian</p> <p>đi theo đường hẹp, trèo lên xuống ghế chạy theo đường zích zắc</p> <p>Chạy liên tục 18m trong khoảng 10 giây</p> <p>Đi, chạy thay đổi hướng zích zắc theo lệnh.</p>
MT 3	<p>- 5 tuổi: Phối hợp tay mắt trong vận động</p> <p>- 4 tuổi: Phối hợp tay mắt trong vận động</p> <p>- 3 tuổi: Phối hợp tay mắt trong vận động</p>	<p>Tung bóng lên cao và bắt.</p> <p>Tung, đập bắt bóng tại chỗ.</p> <p>Đi và đập bắt bóng</p> <p>Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân</p> <p>Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</p> <p>Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.</p> <p>Tung bóng cho người đối diện và bắt bóng</p> <p>Lăn bóng đích dắc bằng 2</p> <p>Đập và bắt bóng bằng 2 tay</p> <p>Lăn Bóng Và Đi Theo Bóng</p>
MT 4	<p>- 5 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p>	<p>Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5 m.</p> <p>Bò đích dắc qua 7 điểm</p>

	<p>- 4 tuổi: Thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p> <p>- 3 tuổi: Thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p>	<p>Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m</p> <p>Bật liên tục vào vòng</p> <p>Bật xa 40 – 50cm</p> <p>Bật – nhảy từ trên cao xuống 40 - 50cm</p> <p>Bật tách chân, khép chân qua 7 ô</p> <p>Bật tại chỗ, bật tiến về trước.</p> <p>Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>Trèo lên xuống 7 gióng thang.</p> <p>Bật qua vật cản 15 - 20cm.</p> <p>Nhảy lò cò 5m.</p> <p>Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất</p>
MT 5	<p>- 5 tuổi: Thực hiện được các vận động. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động</p> <p>- 4 tuổi: Thực hiện được các vận động. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động</p> <p>- 3 tuổi: Thực hiện được các vận động. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động</p>	<p>Bê, nắn.</p> <p>Xé, cắt đường vòng cung.</p> <p>Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.</p> <p>Tô, đồ theo nét.</p> <p>Lắp ráp.</p> <p>Cài, cời cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.</p> <p>vẽ hình người sao chép các chữ số</p> <p>cắt được theo đường viền của hình vẽ</p> <p>xếp chồng 12 đến 15 khối</p>
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
MT 6	<p>- 5 tuổi: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm</p> <p>- 4 tuổi: Biết được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm</p> <p>- 3 tuổi: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh(Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)</p>	<p>Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</p>

<p>MT 7</p>	<p>- 5 tuổi: Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p> <p>- 4 tuổi: Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p> <p>- 3 tuổi: Biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...</p>	<p>Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</p>
<p>MT 8</p>	<p>- 5 tuổi: Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p> <p>- 4 tuổi: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đủ các chất dinh dưỡng</p> <p>- 3 tuổi: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau</p>	<p>Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</p>
<p>MT 9</p>	<p>- 5 tuổi: Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.</p> <p>- 4 tuổi: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p> <p>- 3 tuổi: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	<p>Tự cầm bát đĩa, thìa xúc ăn thành thạo</p>
<p>MT 10</p>	<p>- 5 tuổi: Thực hiện một số việc đơn giản</p> <p>- 4 tuổi: Thực hiện một số việc khi được nhắc nhở</p> <p>- 3 tuổi: Thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn</p>	<p>Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p> <p>Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống</p>

MT 11	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống - 4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống - 3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi.... 	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
MT 12	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - 4 tuổi: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở 	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Che miệng khi ho, hắt hơi...
MT 13	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần - 4 tuổi: Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. 	Nhận biết những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng
MT 14	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. - 4 tuổi: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. - 3 tuổi: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, biết tránh nơi nguy hiểm, biết tránh 1 số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. 	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 15	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết: cười đùa trong 	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm trong ăn uống

	<p>khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc,....</p> <p>- 4 tuổi: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.....</p> <p>- 3 tuổi: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không tự lấy thuốc uống</p>	
MT 16	<p>- 5 tuổi: Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ</p> <p>- 4 tuổi: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được giúp đỡ</p>	<p>Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p>
MT 17	<p>- 5 tuổi: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p> <p>- 4 tuổi: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ</p>	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn</p>
2. Giáo dục phát triển nhận thức		
2.1. Khám phá khoa học		
MT 18	<p>- 5 tuổi: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p> <p>- 4 tuổi: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p>- 3 tuổi: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<p>Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật</p> <p>Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả</p>
MT 19	<p>- 5 tuổi: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan</p>	<p>Một số đặc điểm, tính chất của nước</p>

	<p>sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p> <p>- 4 tuổi: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.</p> <p>- 3 tuổi: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ : Các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>	<p>Trẻ quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận về phương tiện, luật lệ giao thông</p> <p>Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật</p>
MT 20	<p>- 5 tuổi: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.</p> <p>- 4 tuổi: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p> <p>- 3 tuổi: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>	<p>Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật</p> <p>Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người</p> <p>Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi</p>
MT 21	<p>- 5 tuổi: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.</p> <p>- 4 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p> <p>- 3 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật</p>	<p>Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.</p>
MT 22	<p>- 5 tuổi: Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa” ...</p> <p>- 4 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật,</p>	<p>Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.</p> <p>Tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...</p>

	<p>hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?....</p> <p>- 3 tuổi: Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	
MT 23	<p>- 5 tuổi: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.</p> <p>- 4 tuổi: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ “ làm cho ván dốc hơn để ô tô chạy nhanh hơn</p> <p>- 3 tuổi: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p>	<p>Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa</p> <p>Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa</p> <p>Các mùa trong năm</p>
MT 24	<p>5 tuổi: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.</p> <p>- 4 tuổi: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ “Cho thêm đường muối/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”</p> <p>- 3 tuổi: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.</p>	<p>Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p>
MT 25	<p>CS95: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra</p>	<p>Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa</p>
MT 26	<p>CS94: Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống</p>	<p>Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa</p>
MT 27	<p>- 5 tuổi: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p> <p>- 4 tuổi : Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình</p>	<p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng, đồ chơi.</p> <p>Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu trúc với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p>

	- 3 tuổi: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	
MT 28	- 5 tuổi: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - 4 tuổi: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - 3 tuổi: Tên đặc điểm, công dụng 1 số phương tiện giao thông.	Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả, cây lương thực Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.

2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

MT 29	- 5 tuổi: Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu”; “Đây là mấy”... - 4 tuổi: Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh: hỏi, bao nhiêu, số mấy... - 3 tuổi: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	Đếm trên đối tượng xung quanh và đếm theo khả năng
MT 30	- 5 tuổi: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - 4 tuổi: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10
MT 31	- 5 tuổi: Tách/ gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - 4 tuổi: Gộp/ tách hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả. - 3 tuổi: Biết tách – gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. Tách gộp số lượng trong phạm vi 6 và đếm

		<p>Tách gộp số lượng trong phạm vi 7 và đếm</p> <p>Tách gộp số lượng trong phạm vi 8 và đếm</p> <p>Tách gộp số lượng trong phạm vi 9 và đếm</p> <p>Tách gộp số lượng trong phạm vi 10 và đếm</p>
MT 32	<p>- 5 tuổi: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p> <p>- 4 tuổi: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10</p> <p>- 3 tuổi: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5</p>	<p>Đếm trên các đối tượng trong phạm vi 8 và đếm theo khả năng</p> <p>Đếm trên các đối tượng trong phạm vi 7 và đếm theo khả năng</p>
MT 33	<p>- 5 tuổi: Nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.</p> <p>- 4 tuổi: Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.</p>	<p>Đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p>
MT 34	<p>- 5 tuổi: So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.</p> <p>- 4 tuổi: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau. Và nói được từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau...</p> <p>- 3 tuổi: So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<p>So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 8 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn</p> <p>So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn</p>

MT 35	<p>- 5 tuổi: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.</p> <p>- 4 tuổi: Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.</p>	Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
MT 36	<p>- 5 tuổi: Nhận ra các quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.</p> <p>- 3 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép lại.</p>	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
MT 37	<p>- 5 tuổi: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.</p> <p>- 4 tuổi: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh</p> <p>- 3 tuổi: So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn – nhỏ hơn; Dài hơn – ngắn hơn; Cao hơn - thấp hơn; Bằng nhau.</p>	<p>Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</p> <p>Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</p>
MT 38	5 tuổi: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra qui tắc sắp xếp.
MT 39	CS107: Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu	Gọi tên được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu
MT 40	<p>- 5 tuổi: Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p> <p>- 4 tuổi: Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)</p> <p>- 3 tuổi: Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.</p>	<p>Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.</p> <p>Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.</p>
MT 41	- 5 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.

	<p>- 4 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.</p> <p>- 3 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so sánh bản thân.</p>	
MT 42	<p>- 5 tuổi: Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.</p> <p>- 4 tuổi: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày</p>	Gọi tên các thứ trong tuần.
MT 43	CS110: Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
2.3. Khám phá xã hội		
MT 44	<p>- 5 tuổi: Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- 4 tuổi: Nói họ và tên, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- 3 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện</p>	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình
MT 45	<p>- 5 tuổi: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p> <p>- 4 tuổi: Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình</p> <p>- 3 tuổi: Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</p>	Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình
MT 46	- 5 tuổi: Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	Nói được địa chỉ gia đình mình như số nhà, tên đường, số điện thoại của người thân.

	<p>- 4 tuổi: Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện</p> <p>- 3 tuổi: Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem hình ảnh về gia đình.</p>	
MT 47	<p>- 5 tuổi: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- 4 tuổi: Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- 3 tuổi: Nói tên trường – lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường
MT 48	<p>5 tuổi: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong nhà trường khi được hỏi và trò chuyện</p> <p>- 4 tuổi: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p>	Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
MT 49	<p>5 tuổi: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- 4 tuổi: Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện</p>	Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non
MT 50	<p>- 5 tuổi: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới” ...</p> <p>- 4 tuổi: Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm, của một số nghề khi được trò chuyện.</p>	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

	- 3 tuổi: Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, trò chuyện.	
MT 51	- 5 tuổi: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...” - 4 tuổi: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội - 3 tuổi: Kể tên và nói được một số ngày lễ hội.	Tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu
MT 52	- 5 tuổi: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. - 4 tuổi: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. - 3 tuổi: Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
MT 53	CS97: Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	Đặc điểm nổi bật của một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống như nhà cộng đồng, công viên, công an, trường học ...
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
3.1. Nghe hiểu lời nói		
MT 54	- 5 tuổi: Thực hiện được các yêu cầu tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái”	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 55	- 5 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...) - 4 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hiểu và làm theo được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp.

	- 3 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi	
MT 56	- 5 tuổi: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. - 4 tuổi: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.... - 3 tuổi: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT 57	: 5 tuổi: Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - 4 tuổi: Nghe kể truyện phù hợp với độ tuổi. - 3 tuổi: Nghe kể truyện	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT 58	- 5 tuổi: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại - 4 tuổi: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại - 3 tuổi: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 59	- 5 tuổi: Sử dụng các từ: “Cảm ơn”, “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Thưa”, “Dạ”, “Vâng”, phù hợp với từng tình huống - 4 tuổi: Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. - 3 tuổi: Sử dụng các từ “vâng ạ” “dạ” “thưa”... trong giao tiếp.	Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT 60	- 5 tuổi: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... - 4 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... - 3 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.

MT 61	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh - 4 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. - 3 tuổi: Nói đủ nghe không nói lí nhí. 	<p>Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có?</p> <p>Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?.</p>
MT 62	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật. - 4 tuổi: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được - 3 tuổi: Nói rõ các tiếng 	<p>Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p> <p>trẻ bắt trước tiếng kêu của con vật</p>
MT 63	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... - 4 tuổi: Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định - 3 tuổi: Sử dụng được câu đơn, câu ghép. 	<p>Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.</p>
MT 64	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân - 4 tuổi: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. - 3 tuổi: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. 	<p>Kể chuyện theo lời dẫn của cô, kể theo tranh.</p>
MT 65	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Đóng được vai của nhân vật trong truyện. - 4 tuổi: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - 3 tuổi: Bắt chước giọng nói các nhân vật trong truyện. 	<p>Đóng kịch.</p> <p>Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.</p>
MT 66	<ul style="list-style-type: none"> - 5 tuổi: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - 4 tuổi: Kể lại sự việc theo trình tự. 	<p>Kể lại sự việc theo trình tự.</p> <p>Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>

	- 3 tuổi: Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân : Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	
MT 67	- 5 tuổi: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. - 4 tuổi: Kể chuyện có mở đầu, kết thúc - 3 tuổi: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
3.3. Làm quen với việc đọc, viết		
MT 68	- 5 tuổi: Chọn sách để “đọc” và xem - 4 tuổi: Chọn sách để xem - 3 tuổi: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT 69	- 5 tuổi: Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. - 4 tuổi: Nhận dạng 1 số chữ cái	Nhận dạng các chữ cái.
MT 70	- 5 tuổi: Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông... - 4 tuổi: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..hiềm.	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 71	- 5 tuổi: Tô đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - 4 tuổi: Làm quen với các hướng viết của các nét chữ - 3 tuổi: Thích vẽ “ viết” nguệch ngoạc.	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

<p>MT 72</p>	<p>5 tuổi: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách xuống cuối sách.</p> <p>- 4 tuổi: Cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)</p>	<p>Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</p> <p>Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
<p>MT 73</p>	<p>CS79: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh</p>	<p>"Đọc" truyện qua các tranh vẽ. Đọc các chữ cái trong tên của mình...</p>
<p>MT 74</p>	<p>CS81: Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách</p>	<p>Giữ gìn, bảo vệ sách.</p>
<p>MT 75</p>	<p>CS90: Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới</p>	<p>Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

4.1. Thể hiện ý thức về bản thân

<p>MT 76</p>	<p>- 5 tuổi: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại</p> <p>- 4 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ</p> <p>- 3 tuổi: Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.</p>	<p>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</p> <p>Sở thích, khả năng của bản thân.</p> <p>Tên, tuổi, giới tính của bản thân, của người thân.</p>
<p>MT 77</p>	<p>- 5 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và những điều bé không làm được</p> <p>- 4 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.</p>	<p>Sở thích, khả năng, của bản thân</p>

	- 3 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích.	
MT 78	- 5 tuổi: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao - 4 tuổi: Cố gắng hoàn thành công việc được giao(Trục nhật, dọn đồ chơi) - 3 tuổi: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)	Thực hiện công việc được giao (trục nhật, xếp dọn đồ chơi...) Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
MT 79	5 tuổi: Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
MT 80	5 tuổi: Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
4.2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT 81	- 5 tuổi: Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trục nhật, chơi...) - 4 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - 3 tuổi: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi	Vệ sinh cá nhân, trục nhật, chơi Một số qui định ở lớp
MT 82	5 tuổi: Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trục nhật, chơi...).	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động
4.3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT 83	- 5 tuổi: Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác - 4 tuổi: Nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.

	- 3 tuổi: Nhận cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh		
MT 84	- 5 tuổi: Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. Biểu lộ cảm xúc, tình cảm của bản thân - 4 tuổi: Biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên - 3 tuổi: Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Thể hiện hành vi, cảm xúc của trẻ với con người, con vật và môi trường xung quanh	
MT 85	- 5 tuổi: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ - 4 tuổi: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - 3 tuổi: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ.	
MT 86	- 5 tuổi: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước. - 4 tuổi: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
MT 87	5 tuổi: Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
MT 88	5 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ thông qua tranh ảnh, truyện, sách...	
4.4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
MT 89	- 5 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Đẻ đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)	

	<p>ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.</p> <p>- 4 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.</p> <p>- 3 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.</p>		
MT 90	<p>- 5 tuổi: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p> <p>- 4 tuổi: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p> <p>- 3 tuổi: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...</p>	<p>- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự</p> <p>sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.</p>	
MT 91	<p>- 5 tuổi: Chú ý khi nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.</p> <p>- 4 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p> <p>- 3 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p>	<p>Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác</p>	
MT 92	<p>- 5 tuổi: Biết chờ đến lượt.</p> <p>- 4 tuổi: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</p>	<p>Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.</p>	
MT 93	<p>- 5 tuổi: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.</p> <p>- 4 tuổi: Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung. (chơi, trực nhật</p>	<p>- Lắng nghe ý kiến của người khác</p> <p>Biết trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.</p>	
MT 94	<p>5 tuổi: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).</p>	<p>Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".</p> <p>Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".</p>	

	- 3 tuổi: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.		
MT 95	CS42: Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn	
4.5. Quan tâm đến môi trường			
MT 96	- 5 tuổi: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - 4 tuổi: Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc. - 3 tuổi: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	
MT 97	- 5 tuổi: Bỏ rác đúng nơi quy định. - 4 tuổi: Bỏ rác đúng nơi qui định - 3 tuổi: Bỏ rác đúng nơi quy định.	Giữ gìn vệ sinh môi trường. Bỏ rác đúng nơi quy định	
MT 98	- 5 tuổi: Tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. - 4 tuổi: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Tiết kiệm điện, nước.	
MT 99	5 tuổi: Biết nhắc nhở người khác, giữ gìn, bảo vệ môi trường (Không bỏ rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) - 4 tuổi: Không bẻ cành, bứt hoa.	Nhắc nhở người khác không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa nơi công cộng, trường lớp	
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
5.1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
T12, T1			
MT 100	- 5 tuổi: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	

	<p>ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật và hiện tượng.</p> <p>- 4 tuổi: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p> <p>- 3 tuổi: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.</p>		
MT 101	<p>- 5 tuổi: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p> <p>- 4 tuổi: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng giao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p> <p>- 3 tuổi: Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).	
5.2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
MT 102	<p>5 tuổi: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.</p> <p>- 3 tuổi: Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	

<p>MT 103</p>	<p>- 5 tuổi: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).</p> <p>- 4 tuổi: Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)</p> <p>- 3 tuổi: Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)</p>	<p>Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.</p>
<p>MT 104</p>	<p>- 5 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.</p> <p>- 4 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát, nét mặt, điệu bộ</p> <p>- 3 tuổi: Hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen thuộc.</p>	<p>Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.</p>
<p>MT 105</p>	<p>- 5 tuổi: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.</p> <p>- 4 tuổi: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</p> <p>- 3 tuổi: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.</p>	<p>Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.</p> <p>phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm</p>
<p>MT 106</p>	<p>- 5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối</p> <p>- 4 tuổi: Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong. dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.</p> <p>- 3 tuổi: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản</p>	<p>Sử dụng các kỹ năng xé dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét và bố cục</p> <p>Sử dụng các kỹ năng cắt dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét và bố cục</p>

<p>MT 107</p>	<p>- 5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.</p> <p>- 4 tuổi: Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</p> <p>- 3 tuổi: Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.</p>	<p>Sử dụng các kỹ năng nặn để nặn thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục</p>
<p>MT 108</p>	<p>- 5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p> <p>- 4 tuổi: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục</p> <p>- 3 tuổi: Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.</p>	<p>Phối hợp kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p> <p>Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p>
<p>MT 109</p>	<p>- 5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p> <p>- 4 tuổi: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.</p> <p>- 3 tuổi: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.</p>	<p>Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p>
<p>MT 110</p>	<p>- 5 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.</p> <p>- 4 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng</p> <p>- 3 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình</p>	<p>Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục.</p>

5.3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

MT 111	<p>- 5 tuổi: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.</p> <p>- 4 tuổi: Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.</p> <p>- 3 tuổi: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</p>	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
MT 112	<p>- 5 tuổi: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn</p> <p>- 4 tuổi: Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.</p> <p>- 3 tuổi: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</p>	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
MT 113	<p>- 5 tuổi: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>- 4 tuổi: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích</p> <p>- 3 tuổi: Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích</p>	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 114	<p>- 5 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p> <p>- 4 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p> <p>- 3 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p>	Đặt tên cho sản phẩm của mình.

V. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC:

Chương trình thiết kế từ 9 -10 chủ đề cho 35 tuần / khối. Mỗi tuần 5 ngày áp dụng theo độ tuổi Mầm, Chồi, Lá

+ Mầm, Chồi 9 chủ đề với 35 tuần

+ Khối Lá: 10 chủ đề với 35 tuần

Dưới đây là dự kiến các chủ đề và phân phối thời gian cho từng chủ đề của từng khối lớp năm học 2024– 2025 cho toàn trường. Trong quá trình thực hiện chủ đề các khối, lớp có thể điều chỉnh, lồng ghép trong tháng như: Ngày lễ, hội,

các sự kiện...

Khuyến khích giáo viên các lớp áp dụng chương trình stem, steam, chương trình Montessori vào các tiết dạy .

Dựa vào kế hoạch này, giáo viên xây dựng kế hoạch năm, chủ đề, tuần cho lớp mình. Lựa chọn mục tiêu, xây dựng nội dung, các hoạt động, sắp xếp lịch tuần, chuẩn bị đồ dùng dạy học và tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục hàng ngày theo kế hoạch đã dự định.

VI. XÂY DỰNG DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ ĐỐI VỚI TRẺ LỚP MẦM (Thực hiện 35 tuần)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	THỜI GIAN TIẾN HÀNH
1	1. Chủ đề: Trường mầm non (Tết trung thu) - Ngày hội đến trường của bé - Trường mầm non thân yêu. - Lớp học của bé - Trường mầm non có những ai	4 tuần	Từ 9/9 – 27/9/2024
2	2. Chủ đề: Bản thân - Tôi là ai? - Cơ thể của tôi. - Tôi cần gì lớn lên để khỏe mạnh?	4 tuần	Từ 1/10 – 25/10/2024
3	3. Chủ đề: Gia đình (Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11) - Gia đình tôi - Ngôi nhà gia đình ở. - Đồ dùng gia đình bé - Nhu cầu gia đình	4 tuần	Từ 28/10 – 22/11/2024
4	4. Chủ đề: Nghề Nghiệp (QĐNDVN 22/12) - Một số nghề quen thuộc. - Nghề dịch vụ - Nghề truyền thống địa phương. - Nghề sản xuất	4 tuần	Từ 25/11 – 21/12/2024
5	5. Chủ đề: Thực vật xung quanh bé (Tết và mùa xuân) - Cây xanh. - Hoa - Quả - Một số loại rau. - Cây lương thực	4 tuần	Từ 23/12/2024 – 24/1/2025

6	6. Chủ đề: Thế giới động vật - Mùng 8/3 - Một số con vật sống trong gia đình. - Một số con vật sống trong rừng. - Một số con vật sống dưới nước. - Côn trùng, Chim	4 tuần	Từ 10/2 – 8/3/2025
7	7. Chủ đề: Giao thông * Chủ đề nhánh - Các tín hiệu giao thông - Phương tiện giao thông đường bộ, sắt. - Phương tiện giao thông đường không, thủy - Luật lệ giao thông.	4 tuần	Từ 10/3 – 4/4/2025
8	8. Nước và một số hiện tượng tự nhiên. - Nước xung quanh bé. - Hiện tượng tự nhiên. - Các mùa quanh bé.	3 tuần	Từ 7/4 – 25/4/2025
9	9. Chủ đề: Quê hương – Đất nước – Bác Hồ - Đất nước Việt Nam diệu kỳ. - Đắc Nông quê em. - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. - Gia nghĩa nơi bé sống	4 tuần	Từ 28/4 – 23/5/2024
TỔNG: 9 chủ đề - phiên chế 35 tuần			

VII. XÂY DỰNG DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ ĐỐI VỚI TRẺ LỚP CHỖI (Thực hiện 35 tuần)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	THỜI GIAN TIẾN HÀNH
1	1. Chủ đề: Trường mầm non (Tết trung thu) - Ngày hội đến trường của bé - Trường mầm non thân yêu. - Lớp học của bé - Trường mầm non có những ai	4 tuần	Từ 9/9 – 27/9/2024
2	2. Chủ đề: Bản thân - Tôi là ai? - Cơ thể của tôi.	4 tuần	Từ 1/10 – 25/10/2024

	- Tôi cần gì lớn lên để khỏe mạnh?		
3	3. Chủ đề: Gia đình (Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11) * Chủ đề nhánh - Gia đình tôi - Ngôi nhà gia đình ở. - Đồ dùng gia đình bé - Nhu cầu gia đình	4 tuần	Từ 28/10 – 22/11/2024
4	4. Chủ đề: Nghề Nghiệp (Ngày TLQĐNDVN 22/12) - Một số nghề quen thuộc. - Nghề dịch vụ - Nghề truyền thống địa phương. - Nghề sản xuất	4 tuần	Từ 25/11 – 21/12/2024
5	5. Chủ đề: Thực vật xung quanh bé (Tết và mùa xuân) - Cây xanh. - Hoa - Quả - Một số loại rau. - Cây lương thực	4 tuần	Từ 23/12/2024 – 24/1/2025
6	6. Chủ đề: Thế giới động vật (Ngày 8/3) - Một số con vật sống trong gia đình. - Một số con vật sống trong rừng. - Một số con vật sống dưới nước. - Chim - Côn trùng	4 tuần	Từ 10/2 – 8/3/2025
7	7. Chủ đề: Giao thông - Các tín hiệu giao thông - Phương tiện giao thông đường bộ, sắt. - Phương tiện giao thông đường không, thủy - Luật lệ giao thông.	4 tuần	Từ 10/3 – 4/4/2025
8	8. Nước và một số hiện tượng tự nhiên. - Nước xung quanh bé. - Hiện tượng tự nhiên. - Các mùa quanh bé.	3 tuần	Từ 7/4 – 25/4/2025
9	9. Chủ đề: Quê hương – Đất nước – Bác Hồ - Đất nước Việt Nam diệu kỳ.	4 tuần	Từ 28/4 – 23/5/2024

	<ul style="list-style-type: none"> - Đắc Nông quê hương em - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. - Gia nghĩa nơi bé sống 		
TỔNG: 9 chủ đề - phiên chế 35 tuần			

VIII. CHỦ ĐỀ ĐỐI VỚI TRẺ LỚP LÁ (Thực hiện 35 tuần).

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	THỜI GIAN TIẾN HÀNH
1	1. Chủ đề: Trường mầm non (Tết trung thu) - Trường mầm non thân yêu - Trường mầm non có những ai - Lớp học của bé	3 tuần	Từ 9/9 - 27/9/2024
2	2. Chủ đề: Bản thân - Tôi là ai? - Cơ thể của tôi. - Tôi cần gì lớn lên để khỏe mạnh?	3 tuần	Từ 1/10 - 18/10/2024
3	3. Chủ đề: Gia đình - Gia đình tôi - Ngôi nhà gia đình ở. - Đồ dùng gia đình bé - Nhu cầu gia đình	4 tuần	Từ 21/10 - 15/11/2024
4	4. Chủ đề: Nghề nghiệp (Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11) * Chủ đề nhánh - Một số nghề quen thuộc. - Nghề dịch vụ - Nghề truyền thống địa phương. - Nghề sản xuất	4 tuần	Từ 18/11 - 13/12/2024
5	5. Chủ đề: Thế giới động vật - Ngày QĐND Việt Nam 22/12 . * Chủ đề nhánh - Một số con vật sống trong gia đình. - Một số con vật sống trong rừng. - Một số con vật sống dưới nước. - Côn trùng và Chim	4 tuần	Từ 16/12/2024 - 10/1/2025
6	Chủ đề: Thực vật xung quanh bé (Tết và mùa xuân) * Chủ đề nhánh		Từ 13/1 - 21/2/2025

	<ul style="list-style-type: none"> - Cây xanh. - Hoa - Quả - Một số loại rau. - Cây lương thực 	4 tuần	
7	7. Chủ đề: Giao thông (Ngày 8.3) * Chủ đề nhánh <ul style="list-style-type: none"> - Các tín hiệu giao thông - Phương tiện giao thông đường bộ, sắt. - Phương tiện giao thông đường không, thủy - Luật lệ giao thông. 	4 tuần	Từ 24/2 - 21/3/2025
8	8. Nước và một số hiện tượng tự nhiên. * Chủ đề nhánh <ul style="list-style-type: none"> - Nước xung quanh bé. - Hiện tượng tự nhiên. - Các mùa quanh bé. 	3 tuần	Từ 24/3 - 11/4/2024
9	9. Chủ đề: Quê hương- Đất nước- Bác Hồ * Chủ đề nhánh <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước Việt Nam diệu kỳ. - Đắc Nông nơi bé sống - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. - Gia nghĩa quê hương em 	4 tuần	Từ 14/4 - 9/5/2024
10	10. Trường tiểu học <ul style="list-style-type: none"> - Trường tiểu học - Đồ dùng vào lớp 1 	2 tuần	Từ 12 /5 - 23/5/2024
TỔNG: 10 chủ đề - phiên chế 35 tuần			

Trên đây là kế hoạch hoạt động chuyên môn trong năm học 2024- 2025. Trong quá trình thực hiện tùy thuộc vào tình hình cụ thể, chuyên môn nhà trường sẽ bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp. Các khối lớp bám sát kế hoạch này để cụ thể hóa hoạt động cho khối, lớp mình.

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Quyên

Người xây dựng
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nhội

